

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 01-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tôn Bích Thảo.

Bà Dương Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2023/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HSST-QĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, đối với:

- Các bị cáo:

1. Lãng Văn B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 8 năm 1995 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lãng Văn Ý (đã chết) và bà Hứa Thị K; vợ: Triệu Mùi M; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 6 năm 2023, tạm giam từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay; có mặt.

2. Dương Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Chăm D và bà Đặng Mùi P; vợ: Hoàng Mùi X; con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 6 năm 2023,

tạm giam từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay; có mặt.

3. Chu Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 11 năm 1995 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn K1 và bà Hoàng Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 37/2016/HSST ngày 21-6-2016 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 năm tù về tội Hiếp dâm (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 6 năm 2023, tạm giam từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đèo Thị M1; vắng mặt.
2. Anh Hoàng Văn T; vắng mặt.
3. Chị Đèo Thị Y; vắng mặt.
4. Anh Đèo Văn D1; vắng mặt.
5. Chị Đèo Thị L2; vắng mặt.
6. Chị Hoàng Thị K2; vắng mặt.
7. Ông Đoàn Văn Á; vắng mặt.
8. Ông Tô Văn M2; vắng mặt.
9. Ông Hà Văn T1; vắng mặt.
10. Ông Hoàng Văn C; vắng mặt.
11. Ông Hoàng Văn D2; vắng mặt.
12. Ông Đinh Mạnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm, không có thu nhập ổn định và có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm thuê. Khoảng tháng 5 năm 2023, Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1 và Đèo Thị Y, truy cập mạng xã hội Ticktock và thầy bài viết đăng tin tuyển người sang Trung Quốc làm việc với mức lương 4.300 Nhân dân tệ/tháng, ai có nhu cầu thì để lại số điện thoại. Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1 và Đèo Thị Y đã gửi số điện thoại có đăng ký tài khoản Zalo vào trang Ticktock. Ngày 08-6-2023, tài khoản Zalo của Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1 và Đèo Thị Y được đưa vào nhóm Z có tên “Top III”. Nhóm Z có tên “Top III” có 05 thành viên, gồm Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1, Đèo Thị Y, và tài khoản bằng tiếng Trung Quốc. Sau đó, tài khoản Zalo của Hoàng Văn T được Đèo Thị M1 thêm vào nhóm Z “Top III”. Hoàng Văn T và vợ là Đèo Thị

L2 bàn bạc, thống nhất cùng sang Trung Quốc làm thuê. Sáng ngày 09-6-2023, tài khoản Zalo chữ Trung Quốc bảo Đèo Thị M1 báo cả nhóm chụp ảnh chung. Nên cả 06 người đã đến nhà của Đèo Văn D1 và chụp ảnh chung. Ngày 10-6-2023, Đèo Thị M1 gửi 01 (một) bức ảnh có hình ảnh của Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1, Đèo Thị Y, Hoàng Văn T và Đèo Thị L2 vào nhóm Z có tên “Top III”. Tài khoản Zalo có chữ Trung Quốc hẹn cả nhóm có mặt tại Lạng Sơn vào ngày 11-6-2023 sẽ có người đón để đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Sau đó, cả nhóm đi ô tô xe khách để lên Lạng Sơn. Trên đường đi, Đèo Thị M1 có nhận được một cuộc gọi điện thoại từ số thuê bao 0385.580.276, hỏi M1 “có phải là nhóm đi Trung Quốc không”, M1 trả lời là “phải và nói nhóm gồm 04 nữ 02 nam”. Sau đó, tài khoản Zalo số thuê bao 0385.580.276 gửi lời mời kết bạn đến tài khoản Zalo của Đèo Thị M1. M1 đồng ý kết bạn và gửi ảnh của nhóm cho tài khoản Zalo số thuê bao 0385.580.276 theo như yêu cầu. Khoảng 09 giờ, ngày 11-6-2023, cả nhóm gồm 06 người đã đến khu vực bến xe Phía B thuộc thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. M1 gọi điện thoại cho số thuê bao 0385.580.276 để báo và hỏi đón nhóm của M1 ở đâu. Người sử dụng số thuê bao 0385.580.276 bảo M1 đi xe ôm vào xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì gọi điện sẽ có người đón. Sau đó, nhóm của M1 đã thuê 06 người làm nghề xe ôm để trở 06 người nhóm của M1 đi vào xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. 06 người làm nghề xe ôm gồm Đoàn Văn Á, Tô Văn M2, Hà Văn T1, Hoàng Văn C, Hoàng Văn D2, Đinh Mạnh Q. Đoàn Văn Á thoả thuận với Đèo Thị M1 giá xe ôm là 500.000 đồng/người. Khoảng hơn 10 giờ, ngày 11-6-2023, 06 người nhóm của M1 được 06 người làm nghề xe ôm trở từ bến xe Phía B đi vào xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 11-6-2023, khi xe của Tô Văn M2 trở Hoàng Văn T đến chốt kiểm soát của Đoàn Biên phòng B1 tại thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị kiểm tra, buộc dừng xe lại và đưa về trụ sở để làm việc. Tưởng cho biết đã có 05 xe mô tô trở 05 người đi trước. Lực lượng chức năng tiến hành truy tìm và phát hiện xe của Đinh Mạnh Q trở Đèo Thị M1, xe của Hoàng Văn C trở Hoàng Thị K2, xe của Hoàng Văn D2 trở Đèo Văn D1, xe của Hà Văn T1 trở Đèo Thị Y và xe của Đoàn Văn Á trở Đèo Thị L2 và đưa toàn bộ người và xe về trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để lập Biên bản sự việc.

Quá trình điều tra, xác định được những người tổ chức để đưa Đèo Thị M1, Hoàng Thị K2, Đèo Văn D1, Đèo Thị Y, Hoàng Văn T và Đèo Thị L2 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc gồm Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ.

Năm 2018, Lãng Văn B khi đi rừng gần cột mốc 1193 thuộc xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, B gặp một người đàn ông Trung Quốc khoảng 40 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ). B và người đàn ông Trung Quốc có kết bạn với nhau qua mạng Wechat và thỉnh thoảng có liên lạc với nhau qua W. Khoảng đầu tháng 5 năm 2023, người đàn ông Trung Quốc có liên lạc với B qua Wechat. Người đàn ông Trung Quốc thuê B đón và đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua cột mốc 1193, tiền công là 1.300 Nhân dân tệ/người. Khoảng 17 giờ, ngày 10-6-2023, Dương Văn L và Chu Văn Đ đến nhà B ăn cơm. Khi đang ăn cơm, B nhận được tin nhắn qua W cho biết ngày 11-6-2023 có 06 người Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh

trái phép sang Trung Quốc. Người đàn ông Trung Quốc bảo B đón 06 người ở thành phố L. Sau đó, dẫn 06 người lên cột mốc 1193. Khi người đàn ông Trung Quốc đón được 06 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì sẽ trả tiền công cho B là 1.300 Nhân dân tệ/người. Người đàn ông Trung Quốc gửi cho B số điện thoại 0399.549.040 (là số điện thoại của Đèo Thị M1). Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ cùng bàn bạc và thống nhất cùng đón 06 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và dẫn lên cột mốc 1193 để nhận tiền công. Bầy chuyển số điện thoại của Đèo Thị M1 cho L. Liàng sử dụng số điện thoại 0385.580.276 để gọi điện thoại cho M1, kết bạn Z với M1. Liàng chỉ dẫn cho nhóm của M1 thuê xe ôm đi từ bến xe Phía B vào xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, nhóm của M1 bị phát hiện và ngăn chặn như đã nêu ở trên. Sau khi biết nhóm của M1 đã bị phát hiện, ngăn chặn L gọi điện thoại cho B, báo cho B biết sự việc. B bảo L xoá toàn bộ tin nhắn, cuộc gọi có liên quan đến việc tổ chức cho nhóm của M1 xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. B gọi điện thoại cho Đ, báo cho Đ biết sự việc đã bị phát hiện, ngăn chặn và bảo Đ xoá toàn bộ tin nhắn, cuộc gọi có liên quan đến hành vi phạm tội. Liàng và Đ đã xoá toàn bộ tin nhắn, cuộc gọi như Bầy chỉ dẫn.

Ngày 11-6-2023, Dương Văn L và Chu Văn Đ ra đầu thú, còn Lãng Văn B bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Dương Văn L bị thu giữ 01 điện thoại Nokia màu xanh; 01 điện thoại Iphone XS max màu trắng bạc; 01 căn cước công dân. Chu Văn Đ bị thu giữ 01 điện thoại REALME màu đen. Lãng Văn B bị thu giữ 01 điện thoại Sam Sung Galaxy A71 màu xanh đen.

Tại bản Cáo trạng số 149/CT-VKSLS-P2 ngày 27-11-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38, Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Xử phạt bị cáo Lãng Văn B từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù. Xử phạt bị cáo Dương Văn L từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Xử phạt bị cáo Chu Văn Đ từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không có tài sản. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề

ngihtịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: Những chiếc điện thoại được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội. Các bị cáo được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội danh, đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, không oan. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên và các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, Biên bản sự việc, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 11-6-2023, vì vụ lợi, các bị cáo là người thực hiện hành vi tổ chức cho chị Đèo Thị M1, chị Đèo Thị Y, chị Đèo Thị L2, chị Hoàng Thị K2, anh Hoàng Văn T và anh Đèo Văn D1 xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ kết tội các bị cáo Lãng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định của điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh của N. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích vụ lợi. Tuy nhiên, các bị cáo chưa đón được 06 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép

và chưa được nhóm người này đến Mốc 1193 để người đàn ông Trung Quốc đón, đưa sang Trung Quốc nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Dương Văn L và Chu Văn Đ ra đầu thú về hành vi phạm tội. Bị cáo Chu Văn Đ có xác nhận của chính quyền địa phương là người thờ cúng liệt sĩ Chu Văn T2 (là ông nội của bị cáo) Do đó, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Lãng Văn B, Dương Văn L chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt. Bị cáo Chu Văn Đ đã bị xử lý hình sự, nên không được coi là có nhân thân tốt.

[8] Về tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm: Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm. Bị cáo Lãng Văn B là người trực tiếp liên hệ với người đàn ông Trung Quốc, cho bị cáo L số điện thoại của M1 và sẽ cùng đón nhóm của M1 rồi dẫn lên Mốc 1193 để xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc nên có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Dương Văn L là người trực tiếp liên hệ với M1, chỉ dẫn Mên hướng dẫn nhóm 06 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép di chuyển đến địa điểm để xuất cảnh trái phép rồi đón để dẫn lên Mốc 1193 nên có vai trò tích cực giúp sức trong vụ án. Bị cáo Chu Văn Đ là người có vai trò thứ yếu trong vụ án nhưng không có nhân thân tốt. Do đó, bị cáo Lãng Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Dương Văn L và Chu Văn Đ. Các bị cáo Dương Văn L và Chu Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo Biên bản xác minh của Cơ quan điều tra thì các bị cáo không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với những chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo đều được các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với Căn cước công dân thu giữ của bị cáo Dương Văn L do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nhưng đều thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và đều đề nghị được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, các bị cáo được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

theo quy định.

[13] Đối với những người liên quan trong vụ án đã được xác minh làm rõ và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Ý kiến của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 15, khoản 3 Điều 57 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lăng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 293, 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lăng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lăng Văn B 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 12 tháng 6 năm 2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Dương Văn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 11 tháng 6 năm 2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Chu Văn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 11 tháng 6 năm 2023.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lăng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 357723108242534, IMEI2 357723108242542, bên trong lắp 01 (một) sim V. 01 (một) điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone màu trắng bạc, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 353109101880591, bên trong lắp 01 (một) sim V. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A71 màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 353408116841329/01, IMEI2 353409116841327/01, bên trong lắp 01 (một) sim V. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung REALME màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 864213064028750/47, IMEI2 864213064028743, bên trong lắp 02 (hai) sim V.

Trả lại cho bị cáo Dương Văn L 01 (một) Căn cước công dân số 020094006995, mang tên Dương Văn L.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-11-2023 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Lăng Văn B, Dương Văn L và Chu Văn Đ được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp